TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số:222/2019/HNGĐ-ST
Ngày:18-4-2019
V/v *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bền
2. Ông Nguyễn Đức Duy

Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Thu Ngân -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: bà Lê Hoàng Lan Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Trần Thị Hồng N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn*: Đỗ Văn P,** sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt chị N, vắng mặt anh P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Đỗ Văn P chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh P đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P cờ bạc và vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể giải quyết, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 03/10/2015 hiện đang sống với chị N. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Văn P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn P. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N, không công nhận chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Văn P là vợ chồng. Về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi con chung, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Đỗ Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung: Xét thấy, Chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Văn P chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm sống và đã ly thân vào tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình **c**ần không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Xét anh chị có 01 con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 03/10/2015 hiện đang sống với chị N, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu An cần để chị N tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 03/10/2015 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Đỗ Văn P được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009321 ngày 31/01/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp xong án phí.

Chị N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, Anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đực niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Lý Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Kim Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi……giờ……phút, ngày 18 tháng 4 năm 2019

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà: Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm: Ông

Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: " Lly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Trần Thị Hồng N

Bị đơn: Đỗ Văn P

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

*****Về quan hệ tranh chấp: Xác định tranh chấp "Xin ly hôn"

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

*****Về điều luật áp dụng

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

*Về nội dung:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Hồng N.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ P An, sinh ngày 03/10/2015 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Đỗ Văn P được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009321 ngày 31/01/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N đã nộp xong án phí

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

* Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử P thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi…..giờ…..phút, ngày 18/4/2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**